

UNIT 7: WHAT CAN WE DO WITH OUR SENSES?

Lesson 19: Numeracy

I. Nội dung buổi học:

- Học sinh hiểu về cách biểu diễn và ý nghĩa của số 30.

II. Key vocabulary:



One
(Số một)



Two
(Số hai)



Three
(Số ba)



Four
(Số bốn)





Five
(Số năm)



Six
(Số sáu)



Seven
(Số bảy)



Eight
(Số tám)



9

Nine
(Số chín)



10

Ten
(Số mười)



11

Eleven
(Số mười một)



12

Twelve
(Số mười hai)



13

Thirteen
(Số mười ba)



14

Fourteen
(Số mười bốn)



15

Fifteen
(Số mười lăm)



16

Sixteen
(Số mười sáu)



17

Seventeen
(Số mười bảy)



18

Eighteen
(Số mười tám)



19

Nineteen
(Số mười chín)



20

Twenty
(Số hai mươi)

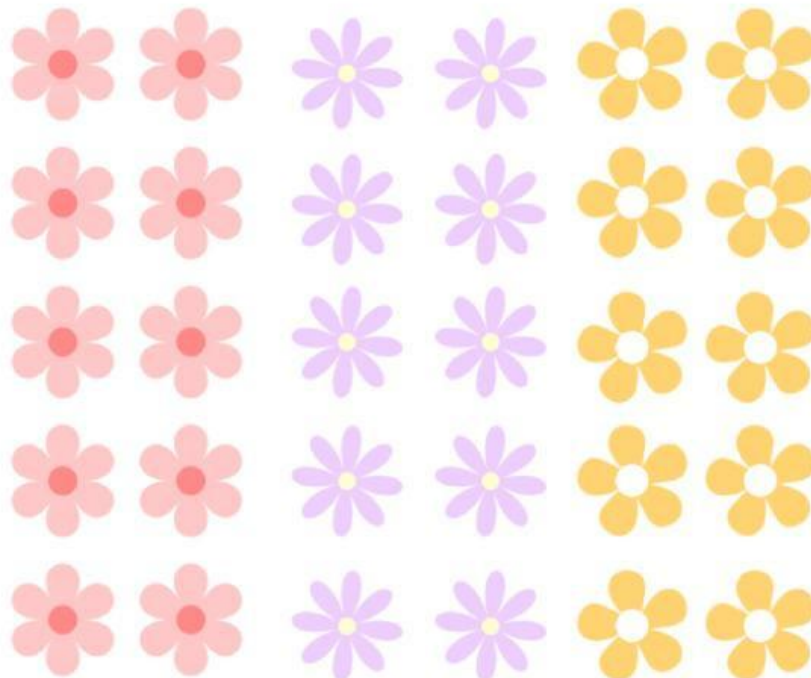


30

Thirty
(Số ba mươi)



III. Key language:



How many (flowers) can you see? Let's count. Set of ten. Three sets of ten.

